

Bản án số: 53/2022/HSST.

Ngày: 22/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Vĩ Bửu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Lê Thu.
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vương Thanh Ngọc – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Ngon - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự thụ lý số: 47/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. TTH, sinh năm 1972; giới tính: Nữ; nơi sinh: Tỉnh Long An; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 07 đường Nguyễn Du, Phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc Mạnh (chết) và bà Đặng Thị Huỳnh; chồng: Nguyễn Xuân Sơn. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2020, đến ngày 26/01/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

2. VMT, sinh năm 1979; giới tính: Nam; nơi sinh: Tỉnh Long An; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Khu phố 5, Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Bánh và bà Nguyễn Thị Kim Dung; vợ: Nguyễn Thị Hồng Cúc. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2020, đến ngày 26/12/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (bị cáo có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 07 giờ 15 phút ngày 29/10/2020, Đội cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và chức vụ Công an Quận 11 phối hợp với Phòng cảnh sát kinh tế Công an Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt PC03) tuần tra phát hiện xe ô tô biển số 51B-284.08 (loại xe 16 chỗ, hiệu Hyundai, màu bạc) do tài xế VMT điều khiển đang dừng, đỗ trước nhà số 23 đường Hàn Hải Nguyên, Phường 16, Quận 11 để đối tượng My (không rõ lai lịch) giao 750 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu các loại cho Dương Thị Xuân Mai đang dừng xe ô tô biển số 59K2-436.36 để nhận thuốc lá điều ngoại nhập của My. Tiến hành kiểm tra xe ô tô biển số 51B-284.08 phát hiện có 2.200 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu các loại, trong đó của TTH là 1.900 bao và của My là 300 bao. Tất cả các bao thuốc lá điều trên đều không có hóa đơn, chứng từ và không có dán tem do Bộ tài chính ban hành nên đã lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với VMT, TTH và Dương Thị Xuân Mai. Riêng My đã bỏ trốn và không xác định được nhân thân, lai lịch.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 11 thu giữ tổng cộng 2.950 bao thuốc lá điều ngoại nhập các loại bao gồm: 300 bao thuốc lá hiệu HERO; 400 bao thuốc lá hiệu JET; 100 bao thuốc lá hiệu ESSE SPECIAL GOLD; 100 bao thuốc lá hiệu CANYON; 600 bao thuốc lá hiệu 555; 100 bao thuốc lá hiệu CRAVEN A; 300 bao thuốc lá hiệu MOND BLUEBERRY; 100 bao thuốc lá hiệu ESSE LIGHTS; 200 bao thuốc lá hiệu ESSE MENTHOL; 100 bao thuốc lá hiệu RICHMOND; 500 bao thuốc lá hiệu CAPRI; 100 bao thuốc lá hiệu MOND (H dâu) và 50 bao thuốc lá hiệu MOND (H nhỏ).

Tại Văn bản số 96/CV-2020 HHTLVN ngày 02/11/2020 của Hiệp hội thuốc lá Việt Nam đã kết luận: “13 mẫu thuốc lá có nhãn hiệu HERO, JET, ESSE SPECIAL GOLD, CANYON, 555, CRAVEN A, MOND BLUEBERRY, ESSE LIGHTS, ESSE MENTHOL, RICHMOND, CAPRI, MOND (H dâu), MOND (H nhỏ) là thuốc lá điều nhập lậu”.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 11, VMT và TTH khai nhận như sau:

T thuê xe ô tô biển số 51B-284.08 của em dâu là Lê Thị Xuân Trang để kinh doanh vận tải hành khách tuyến thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An đi Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 08/2020, T quen biết TTH là hành khách thường xuyên đi xe của T. Do muốn có thêm thu nhập, T hỏi H có hàng gì chở không, H đề nghị T chở H đi lấy thuốc lá điều nhập lậu bán cho khách của H. Mỗi lần đi, H nhắn tin báo trước cho T số lượng thuốc lá sẽ mua bán, số tiền lời thu được, T sẽ được chia tương đương một nửa 50%, kèm số tiền 160.000 đồng/lượt tiền vé xe vận chuyển và T đã đồng ý.

Vào lúc 21 giờ 52 phút ngày 28/10/2020, H nhắn tin cho T hẹn sáng ngày 29/10/2020 đến khu vực chợ Kiến Tường, tỉnh Long An để chở 1.900 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu, H hứa sẽ trả cho T 950.000 đồng tiền lời và tiền vận chuyển. Vào khoảng 04 giờ ngày 29/10/2020, T điều khiển xe ô tô biển số 51B-284.08 đến đón H tại nhà số 07 đường Nguyễn Du, Phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An và chở H đến khu vực lề đường Kênh 1, xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An (giáp biên giới Campuchia) để H mua 1.900 bao thuốc lá các loại của 01 người phụ nữ (không rõ lai lịch) rồi chở H đi Thành phố Hồ Chí Minh để bán cho đối tượng tên Phụng có số điện thoại 0909863716 (không rõ lai lịch) theo thỏa thuận từ trước.

Trên đường đi, khi đến đoạn đường thuộc Quốc lộ 62, Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An, T có hẹn trước và dừng xe đón My (số điện thoại 0945502513, không rõ lai lịch) mang theo 1.050 bao (105 cây) thuốc lá điều nhập lậu, T phụ My đưa thuốc lá lên xe rồi điều khiển xe đi Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào khoảng 07 giờ 15 phút ngày 29/10/2020, khi T dừng xe trước nhà số 23 đường Hàn Hải Nguyên, Phường 16, Quận 11 để My lấy thuốc lá giao cho Dương Thị Xuân Mai đang đậu xe mô tô biển số 59K2-436.36 đứng chờ sẵn. Khi My vừa giao thuốc lá xong và Mai chuẩn bị đưa thuốc lá lên xe đi tiêu thụ thì bắt quả tang, thu giữ của Mai 750 bao thuốc lá điều các loại. Kiểm tra xe ô tô của T, Công an thu giữ 1.900 bao thuốc lá của H và 300 bao thuốc lá còn lại của My. Tổng cộng thu giữ 2.950 bao thuốc lá các loại như trên.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11, VMT và TTH thừa nhận đã cùng nhau thực hiện mua bán thuốc lá điều nhập lậu khoảng 10 lần, nhưng không nhớ rõ số lượng cụ thể, mỗi người thu lợi được khoảng 6.000.000 đồng và tiêu xài hết. Do H và T đều không nhớ chính xác số lượng từng lần mua bán thuốc lá và giám định tin nhắn điện thoại không có dữ liệu liên quan đến việc mua bán thuốc lá, nên không đủ căn cứ xử lý T và H phạm tội nhiều lần. Khi thực hiện hành vi phạm tội giữa H và T không có bàn bạc, phân công vai trò cụ thể từng người, nên hành vi của các bị can chỉ mang tính đồng phạm giản đơn nên chưa đủ căn cứ xử lý phạm tội có tổ chức.

Vật chứng vụ án được xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2021/HS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân Quận 11 và Bản án hình sự phúc thẩm số 324/2021/HS-PT ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại bản Cáo trạng số 51/CT-VKSQ11 ngày 31 tháng 5 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đã truy tố bị cáo TTH và bị cáo VMT về tội “Buôn bán hàng cấm” thuộc trường hợp “Buôn bán thuốc lá điều nhập lậu từ 1.500 bao đến dưới 3000 bao” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày lời luận tội, đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 190 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo TTH từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”, cho hưởng án treo, có ấn định thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo H số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng. Buộc bị cáo H nộp lại số tiền thu nhập từ việc phạm tội mà có là 6.000.000 đồng để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 190 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo VMT từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm”, cho hưởng án treo, có ấn định thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo T số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Buộc bị cáo T nộp lại số tiền thu nhập từ việc phạm tội mà có là 6.000.000 đồng để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án đã được xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2021/HS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân Quận 11 và Bản án hình sự phúc thẩm số 324/2021/HS-PT ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên không cần giải quyết lại trong lần xét xử này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định có tội:

Vào khoảng 07 giờ 15 phút ngày 29/10/2020, tại trước số 23 đường Hàn Hải Nguyên, Phường 16, Quận 11, Đội cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và chức vụ Công an Quận 11 phối hợp với Phòng Cảnh sát kinh tế Công an Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra phát hiện bắt quả tang bị cáo VMT giúp sức để bị cáo TTH mua 1.900 bao thuốc lá nhập lậu nhằm bán lại cho đối tượng tên Phụng. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo TTH và VMT phạm tội “Buôn bán hàng cấm” thuộc trường hợp “Buôn bán thuốc lá điều nhập lậu từ 1.500 bao đến dưới 3000 bao” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh hàng cấm, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương, vì vậy cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật.

Bị cáo H và bị cáo T thừa nhận đã cùng nhau thực hiện mua bán thuốc lá điều nhập lậu khoảng 10 lần, nhưng không nhớ rõ số lượng cụ thể, mỗi người thu lợi được khoảng 6.000.000 đồng, ngoài ra không có chứng cứ nào khác để chứng minh về số tiền thu nhập do phạm tội mà có của các bị cáo. Do các bị cáo đều không nhớ chính xác số lượng từng lần mua bán thuốc lá và giám định tin nhắn điện thoại không có dữ liệu liên quan đến việc mua bán thuốc lá, nên không có căn cứ để xử lý các bị cáo thuộc trường hợp “Phạm tội nhiều lần”. Khi thực hiện hành vi phạm tội, giữa các bị cáo cũng không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể từng người, hành vi của các bị cáo chỉ mang tính đồng phạm giản đơn nên không có căn cứ để xử lý thuộc trường hợp “Phạm tội có tổ chức”.

Bị cáo H và bị cáo T có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và ổn định. Các bị cáo phạm tội lần đầu và đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đều là những lao động chính trong gia đình; riêng bị cáo H đang nuôi mẹ già trên 90 tuổi và chồng bị bệnh tai biến... nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Đồng thời, các bị cáo đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo, các bị cáo không thuộc “Những trường hợp không cho hưởng án treo” theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết trên. Hội đồng xét xử xét thấy, việc cho bị cáo H và bị cáo T được hưởng án treo là có cơ sở, đúng quy

định pháp luật nên không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng đủ có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và cần ấn định cho các bị cáo một thời gian thử thách để răn đe và phòng ngừa các bị cáo tái phạm.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H và T.

Đối với bị cáo Dương Thị Xuân Mai, ngày 29/10/2022 bị bắt quả tang khi đang mua 750 thuốc lá ngoại nhập lậu, đã bị Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm theo Bản án số 29/2021/HS-ST ngày 20/5/2021, xử phạt 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 08 tháng 27 ngày do bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2020 đến ngày 26/01/2021 (89 ngày), bị cáo còn phải chấp hành 09 tháng 03 ngày về tội “Buôn bán hàng cấm” và bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm theo Bản án số 324/2021/HS-PT ngày 28/10/2021.

Đối với bị cáo VMT đã có hành vi vận chuyển 105 cây (1050 bao) thuốc lá điều nhập lậu cho đối tượng My (không rõ lai lịch). Tuy nhiên, số lượng chưa đủ định lượng cấu thành tội phạm về tội “Vận chuyển hàng cấm” quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với đối tượng My, tên Phụng và những đối tượng mua, bán thuốc lá với bị cáo H hiện chưa rõ lai lịch, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 11 tiếp tục điều tra xác minh làm rõ, khi nào đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Về xử lý vật chứng:

Vật chứng của vụ án đã được xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2021/HS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân Quận 11 và Bản án hình sự phúc thẩm số 324/2021/HS-PT ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên không cần giải quyết lại trong bản án này.

Buộc bị cáo H và bị cáo T, mỗi người phải nộp lại số tiền thu nhập từ việc phạm tội mà có là 6.000.000 đồng để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[2] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 11, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 17; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 190 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo TTH và bị cáo VMT

Tuyên bố bị cáo TTH và bị cáo VMT phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Xử phạt bị cáo TTH 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tính kể từ ngày tuyên án 22/7/2022.

Phạt bổ sung bị cáo TTH số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), tiền phạt được nộp ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật để nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo TTH cho Ủy ban nhân dân Phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An để giám sát và giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo TTH cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo VMT 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính kể từ ngày tuyên án 22/7/2022.

Phạt bổ sung bị cáo VMT số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), tiền phạt được nộp ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật để nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo VMT cho Ủy ban nhân dân Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An để giám sát và giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo VMT cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Buộc bị cáo TTH phải nộp lại số tiền 6.000.000 đồng, bị cáo VMT phải nộp lại số tiền 6.000.000 đồng để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo TTH chịu án phí 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo VMT chịu án phí 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

(Thẩm phán chủ tọa đã giải thích cho các bị cáo về chế độ án treo).

Nơi nhận:

- TAND - VKSND TPHCM;
- Sở Tư pháp TPHCM;
- CA TPHCM;
- VKSND Q.11;
- Công an Q.11;
- Chi cục THADS Q.11;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vương Vĩ Bửu